

Giáo viên phát phiếu học tập cho học sinh làm việc trên phiếu

Bước 2:

- Mời học sinh trình bày kết quả làm việc
- Nhận xét, chữa bài tập cho cả lớp

C. Củng cố:

- Yêu cầu học sinh đọc phần ghi nhớ trong sách giáo khoa

D. Nhận xét, dặn dò:

- GV nhận xét tiết học
- Chuẩn bị bài: *Vai trò của chất đạm và chất béo.*

- HS làm việc với phiếu học tập

- Một số HS trình bày kết quả làm việc với phiếu học tập trước lớp.
- Học sinh khác bổ sung hoặc chữa bài nếu bạn làm sai
- Học sinh thực hiện

- Cả lớp theo dõi

TIẾT 2:

TIẾNG VIỆT (TĂNG)

Nghe – viết: Cuộn băng cứu thương

I. Mục tiêu:

- Nghe – viết và trình bày đúng bài chính tả *Cuộn băng cứu thương* (Đoạn: Từ đầu đến *giúp đỡ cô ấy*) (Sách Em làm BT Tiếng Việt lớp 4 tập 1 trang 4) không mắc quá 5 lỗi trong bài.
- Làm đúng bài tập chính tả phương ngữ: bài tập 3 tiết 2 sách Em làm BT Tiếng Việt 4 tập 1.
- Rèn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho HS
- Giáo dục HS ý thức cẩn thận, tỉ mỉ, giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

II. Đồ dùng dạy học

- Bảng phụ

III. Các hoạt động dạy – học

A. Kiểm tra bài cũ:

- Giáo viên nêu quy tắc trong viết chính tả

B. Dạy bài mới:

1/ Giới thiệu bài

2/ Hướng dẫn học sinh nghe viết.

- Giáo viên đọc đoạn chính tả cần viết

- Cả lớp lắng nghe

- 2 học sinh đọc lại, lớp đọc thầm

- Lắng nghe

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Học sinh đọc đoạn chính tả cần viết- Hướng dẫn học sinh nhận xét các hiện tượng chính tả- Cho học sinh luyện viết từ khó vào bảng con: <i>cứu thương, thắc mắc, khúc ruột,...</i>- Nhắc cách trình bày bài chính tả- Giáo viên đọc cho học sinh viết vào vở.- GV đọc lại một lần cho học sinh soát lỗi- GV nhận xét chung các bài <p>3/ Hướng dẫn HS làm bài tập chính tả :</p> <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mời học sinh đọc yêu cầu bài tập- Yêu cầu học sinh làm bài vào vở- Mời học sinh trình bày bài làm- Nhận xét, bổ sung, chốt lại <p>C. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu học sinh sửa lại các tiếng đã viết sai chính tả. <p>D. Nhận xét, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét tiết học- Nhắc nhở học sinh viết lại các từ sai chính tả (nếu có) | <ul style="list-style-type: none">- HS thực hiện- HSNK- HSĐT luyện viết từ khó- HSNK nhắc lại cách trình bày- Học sinh nghe, viết vào vở- Cả lớp soát lỗi- Lắng nghe
- Học sinh đọc.- Cả lớp làm bài vào vở- Học sinh trình bày bài làm- Nhận xét, bổ sung, sửa bài
- Học sinh thực hiện
- Cả lớp chú ý theo dõi |
|---|--|

TIẾT 3:

THỂ DỤC

Đ/c Lan Anh soạn và dạy

SÁNG: TIẾT 1:

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Dấu hai chấm

I. MỤC TIÊU:

- Hiểu được tác dụng của dấu 2 chấm trong câu (nội dung phần ghi nhớ).
- Nhận biết tác dụng của dấu hai chấm (BT1); bước đầu biết dùng dấu 2 chấm khi viết văn (BT2) trong câu: báo hiệu bộ phận đứng sau nó là lời nói của một nhân vật hoặc là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.

Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh:

- *Bác Hồ là tấm gương cao đẹp trọn đời phấn đấu, hi sinh vì tương lai của đất nước nói chung và đối với thiếu nhi nói riêng*

- Rèn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và sử dụng dấu câu khi viết câu

- HS yêu thích môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

- Bảng phụ viết nội dung cần ghi nhớ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Giáo viên yêu cầu học sinh tìm các từ đồng nghĩa với *nhân hậu* – *đoàn kết*

- Nhận xét

B. Dạy bài mới:

1/ Giới thiệu bài: Dấu hai chấm

2) Hướng dẫn phần nhận xét

- Giáo viên yêu cầu HS đọc nội dung bài tập 1

- Yêu cầu học sinh lần lượt từng câu văn, thơ, nhận xét về tác dụng và cách dùng trong các câu đó.

- Mời học sinh trình bày kết quả

- Nhận xét, bổ sung, chốt lại ý đúng:

Câu a: Dấu hai chấm báo hiệu phần sau là lời nói của Bác Hồ. Ở trường hợp này, dấu hai chấm dùng phối hợp với dấu ngoặc kép.

Câu b: Dấu hai chấm báo hiệu câu sau là lời nói của Dế Mèn. Ở trường hợp này, dấu hai chấm dùng phối hợp với dấu gạch đầu dòng.

Câu c: Dấu hai chấm báo hiệu bộ phận đi sau là lời giải thích rõ những điều lạ mà bà già nhận thấy khi về nhà

- Học sinh thực hiện

- Cả lớp theo dõi

- HS HSNTC (mỗi em đọc 1 ý)

- HSĐT đọc lần lượt từng câu văn, thơ, nhận xét về tác dụng & cách dùng trong các câu đó

- Học sinh trình bày kết quả

- Nhận xét, chốt lại ý đúng:

- 3 – 4 HS lần lượt đọc to phần ghi nhớ trong SGK

- HSNTC đọc yêu cầu của bài tập

- Cả lớp làm bài vào vở. HS đọc thầm từng đoạn văn, trao đổi về tác dụng của dấu hai chấm trong các câu văn

- Học sinh trình bày bài làm

- Nhận xét, bổ sung, chốt lại lời giải

*** Ghi nhớ kiến thức**

Yêu cầu HS đọc thầm phần Ghi nhớ

3/ Hướng dẫn luyện tập

Bài tập 1:

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập
- Yêu cầu học sinh làm bài vào vở
- Mời học sinh trình bày bài làm
- GV nhận xét, chốt lại lời giải:

Câu a:

1. Dấu hai chấm thứ nhất (kết hợp với dấu gạch đầu dòng) có tác dụng báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của nhân vật “tôi”

2. Dấu hai chấm thứ 2 (phối hợp với dấu ngoặc kép) báo hiệu phần sau là câu hỏi của cô giáo.

Bài tập 2:

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập, nhắc HS:

+ Để báo hiệu lời nói của nhân vật, có thể dùng dấu hai chấm phối hợp với dấu ngoặc kép, hoặc dấu gạch đầu dòng (nếu là những lời đối thoại)

+ Trường hợp cần giải thích thì chỉ dùng dấu hai chấm

- Yêu cầu học sinh làm bài vào vở
- Mời học sinh đọc đoạn văn trước lớp
- Nhận xét, bổ sung, chốt ý

C. củng cố:

- *Bác Hồ là tấm gương cao đẹp trọn đời phấn đấu, hi sinh vì tương lai của đất nước nói chung và đối với thiếu nhi nói riêng*

đúng

Câu b: Dấu hai chấm có tác dụng giải thích cho bộ phận đứng trước. Phần đi sau làm rõ *những cảnh tuyệt đẹp của đất nước* là những cảnh gì

- HSNTC đọc yêu cầu của BT. Cả lớp đọc thầm
- Cả lớp theo dõi

- HS thực hành viết đoạn văn vào vở.
- Một số HS đọc đoạn văn trước lớp, giải thích tác dụng của dấu hai chấm trong mỗi trường hợp
- Cả lớp nhận xét

- Lắng nghe

- Học sinh nêu trước lớp
- Cả lớp theo dõi

- Lắng nghe

+ Dấu hai chấm có tác dụng gì?

D. Nhận xét, dặn dò:

- GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS. Yêu cầu HS tìm trong các bài đọc 3 trường hợp dùng dấu hai chấm, giải thích tác dụng của các cách dùng đó; mang từ điển đến lớp (nếu có) để sử dụng trong tiết LTVC sau

- Chuẩn bị bài: *Từ đơn và từ phức*

- Lắng nghe

TIẾT 2:

TOÁN

Triệu và lớp triệu (tr13)

I. Mục tiêu:

- Nhận biết hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu và lớp triệu.
- Biết viết các số đến lớp triệu
- HS làm đúng các BT: Bài 1, bài 2, bài 3 (cột 3)
- Rèn kỹ năng tính toán cho HS
- HS có ý thức cẩn thận, tỉ mỉ, yêu thích môn học.

II. Đồ dùng dạy học:

- SGK, Bảng con, phấn, bảng phụ

III. Các hoạt động dạy học:

A. Bài cũ

- GV gọi 2 HS lên bảng yêu cầu HS làm các bài tập 4 của tiết 9.

-GV chữa bài, nhận xét .

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Giới thiệu hàng triệu, chục triệu, trăm triệu, lớp triệu:

- 2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi để nhận xét bài làm của bạn.

a. Số lớn nhất có ba chữ số là: 999

b. Số bé nhất có ba chữ số là: 100

c. Số lớn nhất có sáu chữ số là: 999 999

d. Số bé nhất có sáu chữ số là: 100 000

-HS nghe.

+ Hãy kể các hàng đã học theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

+ Hãy kể tên các lớp đã học.

- GV yêu cầu HS cả lớp viết số theo lời đọc: 1 trăm, 1 nghìn, 10 nghìn, 1 trăm nghìn, 10 trăm nghìn.

- GV giới thiệu: 10 trăm nghìn còn được gọi là 1 triệu.

- GV hỏi: 1 triệu bằng mấy trăm nghìn?

- Số 1 triệu có mấy chữ số, đó là những chữ số nào ?

- Bạn nào có thể viết số 10 triệu ?

- Số 10 triệu có mấy chữ số, đó là những chữ số nào ?

- GV giới thiệu: 10 triệu còn được gọi là 1 chục triệu.

- GV: Bạn nào có thể viết được số 10 chục triệu?

- GV giới thiệu: 10 chục triệu còn được gọi là 100 triệu.

- 1 trăm triệu có mấy chữ số, đó là những chữ số nào ?

- GV giới thiệu: Các hàng triệu, chục triệu, trăm triệu tạo thành lớp triệu.

- Lớp triệu gồm mấy hàng, đó là những hàng nào ?

- Kể tên các hàng lớp đã học.

- Hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn.

- Lớp đơn vị, lớp nghìn.

-1 HS lên bảng viết, HS cả lớp viết vào nháp:

100

1000

10000

100000

1000000

-1 triệu bằng 10 trăm nghìn.

-Có 7 chữ số, chữ số 1 và sáu chữ số 0 đứng bên phải số 1.

-1 HSNK lên bảng viết, HS cả lớp viết vào giấy nháp.

-Có 8 chữ số, một chữ số 1 và bảy chữ số 0 đứng bên phải số 1.

-1 HSNK lên bảng viết, HS cả lớp viết vào giấy nháp.

-HS cả lớp đọc: 1 trăm triệu.

-Có 9 chữ số, một chữ số 1 và tám chữ số 0 đứng bên phải số 1.

-HS nghe giảng.

-Lớp triệu gồm ba hàng là hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu.

-HS thi đua kể.

3. Các số tròn chục triệu từ 1000000 đến 10000000 (bài tập 1):

- + 1 triệu thêm 1 triệu là mấy triệu ?
- 2 triệu thêm 1 triệu là mấy triệu ?
- GV: Bạn nào có thể đếm thêm 1 triệu từ 1 triệu đến 10 triệu ?
- Bạn nào có thể viết các số trên ?

- GV chỉ các số trên không theo thứ tự cho HS đọc.

4. Các số tròn chục triệu từ 10000000 đến 100000000 (bài tập 2)

- 1 chục triệu thêm 1 chục triệu là bao nhiêu triệu ?
- 2 chục triệu thêm 1 chục triệu là bao nhiêu triệu ?
- Hãy đếm thêm 1 chục triệu từ 1 chục triệu đến 10 chục triệu.
- 1 chục triệu còn gọi là gì ?
- 2 chục triệu còn gọi là gì ?
- Hãy đọc các số từ 1 chục triệu đến 10 chục triệu theo cách khác.

- Bạn nào có thể viết các số từ 10 triệu đến 100 triệu ?

- GV chỉ bảng cho HS đọc lại các số trên.

5. Luyện tập, thực hành:

Bài 3

-GV yêu cầu HS tự đọc và viết các số bài tập yêu cầu.

-GV yêu cầu 2 HS vừa lên bảng lần lượt chỉ vào từng số mình đã viết, mỗi lần chỉ thì đọc số và nêu số chữ số 0 có

- HSNTC: 1 triệu thêm 1 triệu là 2 triệu.
- 2 triệu thêm 1 triệu là 3 triệu.
- HS đếm.

- 1 HSNTC lên bảng viết, HS cả lớp viết vào giấy nháp.
- Đọc theo tay chỉ của GV.

-Là 2 chục triệu.

-Là 3 chục triệu.

-HS đếm

-Là 10 triệu.

-Là 20 chục triệu.

-HS đọc.

-1 HSNK lên bảng viết, HS cả lớp viết vào giấy nháp.

-2 HS lên bảng làm bài (mỗi HS viết một cột số), HS cả lớp làm bài vào VBT.

-2 HS lần lượt thực hiện yêu cầu. VD: HS chỉ vào số 50000 và đọc *năm mươi*

trong số đó.

-GV nhận xét.

C. Củng cố- Dặn dò:

-GV tổng kết giờ học, dặn dò HS về nhà làm bài tập và chuẩn bị bài sau.

ngàn có 4 chữ số 0.

-HS cả lớp theo dõi và nhận xét.

- Lắng nghe

TIẾT 3:

TẬP LÀM VĂN

Tả ngoại hình của nhân vật trong bài văn kể chuyện

I. MỤC TIÊU:

- HS hiểu: Trong bài văn kể chuyện, việc tả ngoại hình của nhân vật là cần thiết để thể hiện tính cách của nhân vật. (nội dung ghi nhớ).

- Biết dựa vào đặc điểm ngoại hình để xác định tính cách nhân vật (BT1, mục III); kể lại được một đoạn câu chuyện *Nàng tiên Ốc*. có kết hợp tả ngoại hình bà lão hoặc nàng tiên (BT2).

* HSNK kể được toàn bộ câu chuyện, kết hợp tả ngoại hình của 2 nhân vật

- *KNS: Tìm kiếm xử lý thông tin tư duy sáng tạo.*

- HS yêu thích môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

- Bảng phụ ghi các ý về đặc điểm ngoại hình Nhà Trò – bài 1 (phần nhận xét)
- Phiếu đoạn văn của Vũ Cao (phần luyện tập)
- Sách giáo khoa

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Yêu cầu HS nhắc lại ghi nhớ trong bài?

- Trong các bài học trước, em đã biết

tính cách của nhân vật thường được biểu hiện qua những phương diện nào?

- Giáo viên nhận xét

B. Dạy bài mới:

1/ Giới thiệu bài : Ở con người, hình dáng bên ngoài thường thống nhất với tính cách, phẩm chất bên trong. Vì vậy, trong bài văn kể chuyện, việc miêu tả hình dáng bên ngoài của

- 2 HS nhắc lại

- 2 HS trả lời